TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Văn Nhung;

Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Hồng Sơn

- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 243/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị La Phương T, sinh năm 1997; thường trú: thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn P, phường P, tỉnh Lâm Đồng); tạm trú: số C đường N, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là số C đường N, khu phố Đ, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: anh Nguyễn Nhiêu B, sinh năm 1988; thường trú: khóm D, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là khóm D, xã T, tỉnh Vĩnh Long); tạm trú: số C, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là số C, khu phố T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị La Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: vợ chồng anh chị có thời gian tìm hiểu nhau một năm, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau, bất đồng mọi quan điểm sống, vợ chồng ly thân từ giữa năm 2019 cho đến nay. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh B nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhiêu K, sinh ngày 30/7/2015. Chị T yêu cầu sau ly hôn trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị La Phương T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Nhiêu B:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu anh B có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng anh B không có ý kiến, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Tòa án tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh B tham gia hòa giải nhưng anh B vắng mặt, đồng thời chị T có yêu cầu từ chối hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh B tham gia phiên tòa vào ngày 21/7/2025 và ngày 31/7/2025 nhưng anh B vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị T được xem xét trên cơ sở chứng cứ do chị T cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 21/7/2025 và ngày 31/7/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào

Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị La Phương T và anh Nguyễn Nhiêu B là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận vào ngày 07/12/2015 theo giấy chứng nhận kết hôn số 119, quyển số 01/2015 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Chị T xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn cụ thể là do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau, bất đồng mọi quan điểm sống, vợ chồng ly thân từ giữa năm 2019 cho đến nay. Nay, chị T xác định không còn tình cảm với anh B nên yêu cầu ly hôn.

Quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập anh B đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và cung cấp chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng anh Ba K1 đến. Điều này chứng tỏ bản thân anh B cũng không muốn vợ chồng có cơ hội để đoàn tụ với nhau, còn chị T xác định không còn tình cảm với anh B. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhiêu K, sinh ngày 30/7/2015. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên. Trong suốt quá trình tố tụng anh B không có ý kiến thể hiện nguyện vọng mong muốn nuôi con chung hay không, hơn nữa trong thời gian vợ chồng ly thân thì cháu K đều do chị T nuôi dưỡng. Cho nên, chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: chị La Phương T tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Nhiêu B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị La Phương T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị La Phương T. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị La Phương T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị La Phương T về việc ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Nhiêu B.

- Về quan hệ hôn nhân: chị La Phương T được ly hôn với anh Nguyễn Nhiêu B (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 119, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 07/12/2015).

- Về con chung: anh Nguyễn Nhiêu B có trách nhiệm giao con chung là cháu Nguyễn Nhiêu K, sinh ngày 30/7/2015 cho chị La Phương T tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị La Phương T không yêu cầu anh Nguyễn Nhiêu B cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, anh Nguyễn Nhiêu B có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, chị La Phương T không có quyền cản trở anh Nguyễn Nhiêu B thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị La Phương T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị La Phương T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008287 ngày 12/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy